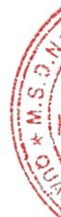


**CÔNG TY CỔ PHẦN
LOGISTICS VINALINK**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 06 năm 2018	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018	08
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	09 - 25



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Thế Đức	Chủ tịch
Ông Nguyễn Nam Tiến	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Bình	Thành viên
Ông Đinh Quang Ngọc	Thành viên
Ông Trương Minh Long	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Vũ Thị Bình Nguyên	Trưởng ban
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 09/04/2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Nam Tiến
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2018



Số: 19.138/BCSX-RSM HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng quản trị**
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink, được lập ngày 28 tháng 08 năm 2018, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*****Kết luận của kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

K. TỔNG GIÁM ĐỐC**Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2018

Như đã trình bày tại Mục số 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		227.822.288.369	259.823.432.520
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	56.898.253.650	120.464.859.572
1. Tiền	111		18.011.839.129	49.608.938.880
2. Các khoản tương đương tiền	112		38.886.414.521	70.855.920.692
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		166.801.564.015	139.358.572.948
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	151.307.413.788	137.482.848.317
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	4.160.872.979	2.031.950.246
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	14.303.757.631	2.814.254.768
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(2.970.480.383)	(2.970.480.383)
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.122.470.704	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	3.473.622.433	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.12	648.848.271	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		96.971.411.361	58.603.651.707
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.742.183.207	8.991.838.207
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	4.3	7.503.352.207	7.973.352.207
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	2.238.831.000	1.018.486.000
II. Tài sản cố định	220		34.583.192.761	9.763.671.858
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	8.453.192.761	9.763.671.858
Nguyên giá	222		39.422.841.029	39.422.841.029
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.969.648.268)	(29.659.169.171)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	26.130.000.000	-
Nguyên giá	228		26.130.000.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	4.9	13.065.000.000	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		13.065.000.000	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.10	38.467.393.302	39.650.893.302
1. Đầu tư vào công ty con	251		526.750.000	526.750.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		37.214.493.302	38.397.993.302
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		726.150.000	726.150.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.113.642.091	197.248.340
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	1.113.642.091	197.248.340
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		324.793.699.730	318.427.084.227

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINKĐịa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		135.770.334.979	137.774.384.517
I. Nợ ngắn hạn	310		80.768.634.979	80.092.317.517
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	56.826.631.313	51.318.677.946
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.793.056.972	1.443.268.083
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	6.298.271.056	4.002.286.105
4. Phải trả người lao động	314	4.13	1.041.965.000	9.965.033.988
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	4.259.364.623	3.464.528.003
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	3.521.992.581	4.873.381.658
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.16	5.027.353.434	5.025.141.734
II. Nợ dài hạn	330		55.001.700.000	57.682.067.000
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.17	22.000.000.000	24.500.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.15	33.001.700.000	33.182.067.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		189.023.364.751	180.652.699.710
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18.1	189.023.364.751	180.652.699.710
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.950.000.000	4.950.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		10.000.000.000	9.000.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		84.073.364.751	76.702.699.710
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		68.031.539.710	59.443.954.728
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.041.825.041	17.258.744.982
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		324.793.699.730	318.427.084.227



Nguyễn Nam Tiến
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2018

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.20	429.056.439.318	388.063.328.689
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		429.056.439.318	388.063.328.689
4. Giá vốn hàng bán	11	4.21	413.134.748.743	372.988.439.194
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.921.690.575	15.074.889.495
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.22	9.576.814.830	3.637.452.857
7. Chi phí tài chính	22	4.23	1.218.099.071	1.051.861.471
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	4.24	5.765.477.565	5.660.968.352
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.514.928.769	11.999.512.529
10. Thu nhập khác	31		26.896.272	-
11. Chi phí khác	32		-	23.339.683
12. Lợi nhuận khác	40		26.896.272	(23.339.683)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.541.825.041	11.976.172.846
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.25	2.500.000.000	2.134.622.359
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.041.825.041	9.841.550.487



Nguyễn Nam Tiến
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2018

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.541.825.041	11.976.172.846
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	02	4.26	1.310.479.097	1.567.611.254
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.22	(496.668.599)	(240.913.083)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.728.885.069)	(2.144.116.673)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		11.626.750.470	11.158.754.344
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(28.378.150.478)	(19.365.494.013)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(791.403.158)	1.166.496.951
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.390.016.184)	(3.049.754.401)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.12	(3.641.154.631)	(2.426.266.809)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(281.000.000)	(428.840.620)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(25.854.973.981)	(12.945.104.548)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(39.195.000.000)	-
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.804.263.956	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.702.112.043	1.742.445.384
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.688.624.001)	1.742.445.384
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.18.3	(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ	50		(63.743.597.982)	(18.402.659.164)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		120.464.859.572	127.164.716.617
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		176.992.060	146.560.565
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	4.1	56.898.253.650	108.908.618.018



Nguyễn Nam Tiến
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2018

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng, được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 về chuyển đổi Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 09 năm 2015.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 90 tỷ đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 332 người (01/01/2018: 343 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ vận tải.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;
- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Đại lý vận tải hàng hóa hàng không, gửi hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:				
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	Regency, Complex C, Ground Floor, Unit 10-11C/168, Samdach Monireth Blvd (St.217), Sangkat Tomnubteuk, Khan Chamkarmon, Phnom Penh, Cambodia	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	184 Trần Phú, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	27,89%	27,89%	27,89%
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Lô KB13, đường T5, Khu thương mại - công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	18A Lưu Trọng Lư, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	25,00%	9,15%	9,15%
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Số 46-48 Đường Hậu Giang, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	50,00%	30,00%	30,00%
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Số 30 Đường Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	50,00%	30,00%	30,00%
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Số 436-438 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	33,33%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Vinalink	147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%	40,00%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2018 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 ngày 13 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 ngày 30 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.
- Chi nhánh tại Đà Nẵng được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-003 ngày 17 tháng 05 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.
- Chi nhánh tại Quy Nhơn được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-004 ngày 21 tháng 06 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2017.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	1.994.087.142	13.255.083.183
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.017.751.987	36.353.855.697
Các khoản tương đương tiền	38.886.414.521	70.855.920.692
Cộng	56.898.253.650	120.464.859.572

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng bằng VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với lãi suất từ 5,1%/năm đến 5,4%/năm.

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng trong nước	103.589.931.749	95.396.773.359
<i>Công ty TNHH Giao Nhận Daijin Việt Nam</i>	11.525.685.305	12.658.412.109
<i>Công ty Cổ phần Hàng Không Vietjet</i>	6.963.016.356	12.961.451.935
<i>Công ty TNHH Thời Trang Star</i>	5.145.284.215	2.068.014.155
<i>Công ty TNHH Logistics Đông Dương và Viễn Đông</i>	4.804.913.183	2.490.272.193
<i>Công ty Cổ phần In Hà Nội</i>	4.665.786.000	4.665.786.000
<i>Công ty TNHH James Worldwide Việt Nam</i>	3.870.122.070	-
<i>Khách hàng khác trong nước</i>	66.615.124.620	60.552.836.967
Phải thu khách hàng nước ngoài	34.612.381.716	35.269.573.128
<i>Hong Leng Hour Import Export & Transportation Co., Ltd</i>	6.933.533.784	11.891.127.881
<i>H-Sea (NINGBO) Supply Chain Management Co.,Ltd</i>	7.092.884.396	5.564.152.108
<i>Mekong International Transport Co., Ltd</i>	2.806.556.292	5.146.872.912
<i>Khách hàng nước ngoài khác</i>	17.779.407.244	12.667.420.227
Phải thu khách hàng khác	5.029.070.040	5.157.982.826
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 4.27	8.076.030.283	1.658.519.004
Cộng	151.307.413.788	137.482.848.317

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.3. Trả trước cho người bán**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Trả trước cho người bán		
Công ty TNHH Hàng Hải Liên Kết Việt Nam	1.480.000.000	-
Công ty TNHH CK Line Việt Nam	460.000.000	-
Người bán khác	910.872.979	851.950.246
Trả trước người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.27	1.310.000.000	1.180.000.000
Cộng	4.160.872.979	2.031.950.246
Dài hạn (*):		
Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Thạnh	4.416.352.207	4.886.352.207
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Hiệp Phước Khánh	3.087.000.000	3.087.000.000
Cộng	7.503.352.207	7.973.352.207

(*) Trả trước cho người bán dài hạn được chi tiết như sau:

- Khoản ứng trước giá trị hợp đồng cho Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Thạnh - Long An về việc thuê quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng trên đất tại Khu công nghiệp Bắc An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.
- Khoản ứng trước 60% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Hiệp Phước Khánh về việc thực hiện dịch vụ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xin giấy phép đầu tư xây dựng kho bãi và nhà xưởng tại Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4.4. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Tạm ứng cho nhân viên làm hàng	13.683.623.116	-	1.474.297.968	-
Cổ tức, lợi nhuận được nhận từ bên liên quan - Xem thêm mục 4.27	406.009.070	-	-	-
Phải thu khác	214.125.445	-	1.339.956.800	-
Cộng	14.303.757.631	-	2.814.254.768	-
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	1.738.831.000	-	1.018.486.000	-
Phải thu khác	500.000.000	-	-	-
Cộng	2.238.831.000	-	1.018.486.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.5. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	5.459.939.239	2.489.458.856	5.459.939.239	2.489.458.856

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo thời gian quá hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dư nợ từ 1 - 2 năm	4.897.470.634	2.448.735.316	4.897.470.634	2.448.735.316
Dư nợ từ 2 - 3 năm	135.745.133	40.723.540	135.745.133	40.723.540
Dư nợ trên 3 năm	426.723.472	-	426.723.472	-
Cộng	5.459.939.239	2.489.458.856	5.459.939.239	2.489.458.856

4.6. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí thuê đất	3.473.622.433	-
Dài hạn:		
Chi phí thuê văn phòng	1.113.642.091	197.248.340

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2018	8.052.973.806	1.543.492.521	29.025.749.820	800.624.882	39.422.841.029
Tại ngày 30/06/2018	8.052.973.806	1.543.492.521	29.025.749.820	800.624.882	39.422.841.029
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2017	7.474.586.586	1.417.392.044	19.979.706.480	787.484.061	29.659.169.171
Khấu hao trong kỳ	43.379.046	68.782.050	1.193.960.499	4.357.502	1.310.479.097
Tại ngày 30/06/2018	7.517.965.632	1.486.174.094	21.173.666.979	791.841.563	30.969.648.268
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2017	578.387.220	126.100.477	9.046.043.340	13.140.821	9.763.671.858
Tại ngày 30/06/2018	535.008.174	57.318.427	7.852.082.841	8.783.319	8.453.192.761

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 18.257.009.630 VND.

4.8. Tài sản cố định vô hình

Là giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn tại 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là giá trị nhà tại 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh được mua lại với mục đích xây dựng văn phòng làm việc. Các hồ sơ, thủ tục bàn giao nhà và giấy tờ nhà đã hoàn tất theo biên bản bàn giao ngày 30/05/2018. Hiện tại, Công ty đang thực hiện việc thiết kế, sửa chữa, lắp đặt nội thất cho văn phòng mới và dự kiến đưa vào sử dụng vào tháng 12/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2018			Tại ngày 01/01/2018		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	526.750.000		-	526.750.000		-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	19.120.589.000		-	19.120.589.000		-
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	4.908.430.302		-	4.908.430.302		-
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	4.392.000.000		-	4.392.000.000		-
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	3.918.874.000		-	3.918.874.000		-
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	2.000.000.000		-	2.000.000.000		-
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	1.927.800.000		-	1.927.800.000		-
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	946.800.000		-	2.130.300.000		-
Cộng	37.214.493.302		-	38.397.993.302		-

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư vào công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINKĐịa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán trong nước	47.556.157.048	47.556.157.048	37.072.709.467	37.072.709.467
Văn phòng bán vé HHK	4.258.768.860	4.258.768.860	267.015.138	267.015.138
Cathay Pacific Airway tại Tp. Hồ Chí Minh				
Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội	2.657.545.000	2.657.545.000	2.139.720.000	2.139.720.000
Công ty Cổ phần Vận Tải Thương Mại Nam Việt	2.393.973.767	2.393.973.767	1.484.701.100	1.484.701.100
Công ty Cổ phần Tiếp Vận AVC Việt Nam	2.080.454.246	2.080.454.246	2.683.777.963	2.683.777.963
Người bán khác trong nước	36.165.415.175	36.165.415.175	30.497.495.266	30.497.495.266
Phải trả người bán nước ngoài	8.418.025.759	8.418.025.759	13.306.188.255	13.306.188.255
Olair Worldwide Logistics Co., Ltd	703.679.070	703.679.070	531.558.623	531.558.623
Portever Shipping (H.K.) Co., Ltd	618.948.965	618.948.965	606.286.295	606.286.295
Đại lý nước ngoài khác	7.095.397.724	7.095.397.724	12.168.343.337	12.168.343.337
Phải trả người bán khác	852.448.506	852.448.506	939.780.224	939.780.224
Cộng	56.826.631.313	56.826.631.313	51.318.677.946	51.318.677.946

4.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2018 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã khấu trừ trong kỳ VND	Tại ngày 30/06/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	6.565.662.586	5.916.814.315	648.848.271

	Tại ngày 01/01/2018 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số đã khấu trừ trong kỳ VND	Tại ngày 30/06/2018 VND
Phải nộp:					
Thuế giá trị gia tăng	808.927.853	8.946.018.235	2.934.475.282	5.916.814.315	903.656.491
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.741.154.631	2.500.000.000	3.641.154.631	-	1.600.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	304.716.534	2.697.734.460	2.725.755.660	-	276.695.334
Tiền thuê đất	-	6.932.286.990	3.508.935.390	-	3.423.351.600
Các loại thuế khác	147.487.087	685.732.808	738.652.264	-	94.567.631
Cộng	4.002.286.105	21.761.772.493	13.548.973.227	5.916.814.315	6.298.271.056

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.13. Phải trả người lao động**

Là quỹ lương năm 2018 còn phải trả cho người lao động.

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Chi phí hoa hồng	2.509.656.507	2.527.659.996
Cước vận chuyển, phí làm hàng	1.749.708.116	936.868.007
Cộng	4.259.364.623	3.464.528.003

4.15. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Hoa hồng phải trả đại lý	3.334.164.922	4.733.900.308
Các khoản phải trả, phải nộp khác	187.827.659	139.481.350
Cộng	3.521.992.581	4.873.381.658
Dài hạn:		
Tạm ứng tiền đền bù di dời (*)	32.800.000.000	32.800.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	201.700.000	382.067.000
Cộng	33.001.700.000	33.182.067.000

(*) Là khoản tiền tạm ứng 80% tổng giá trị đền bù di dời phục vụ dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành mà Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội đã trả Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink theo hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - Xem thêm mục 4.30.

4.16. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu năm	5.025.141.734	5.412.082.354
Trích lập trong kỳ	471.160.000	578.600.000
Sử dụng trong kỳ	(468.948.300)	(600.340.620)
Số dư cuối kỳ	5.027.353.434	5.390.341.734

4.17. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là khoản doanh thu cho thuê kho bãi nhận trước theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - Xem thêm mục 4.30.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.18. Vốn chủ sở hữu****4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Tổng cộng VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2017	90.000.000.000	4.950.000.000	8.000.000.000	68.222.554.728	171.172.554.728
Lợi nhuận trong 06 tháng đầu năm trước	-	-	-	9.841.550.487	9.841.550.487
Chia cổ tức trong 06 tháng đầu năm trước	-	-	-	(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(578.600.000)	(578.600.000)
Số dư tại ngày 30/06/2017	90.000.000.000	4.950.000.000	9.000.000.000	69.285.505.215	173.235.505.215
Lợi nhuận trong 06 tháng cuối năm trước	-	-	-	13.717.194.495	13.717.194.495
Chia cổ tức trong 06 tháng cuối năm trước	-	-	-	(6.300.000.000)	(6.300.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2018	90.000.000.000	4.950.000.000	9.000.000.000	76.702.699.710	180.652.699.710
Lợi nhuận trong 06 tháng đầu năm nay	-	-	-	16.041.825.041	16.041.825.041
Chia cổ tức trong 06 tháng đầu năm nay	-	-	-	(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(471.160.000)	(471.160.000)
Số dư tại ngày 30/06/2018	90.000.000.000	4.950.000.000	10.000.000.000	84.073.364.751	189.023.364.751

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.18.2. Cổ phiếu**

	<u>Tại ngày 30/06/2018</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ):	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.000.000	9.000.000

Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

4.18.3. Cổ tức

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	7.200.000.000	7.200.000.000

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	<u>Tại ngày 30/06/2018</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018</u>
Ngoại tệ các loại:		
USD	553.100,19	1.406.234,04

4.20. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Doanh thu trụ sở TP. Hồ Chí Minh	256.540.698.171	211.361.993.949
<i>Dịch vụ hàng không</i>	118.138.790.914	97.209.962.434
<i>Dịch vụ logistics</i>	99.991.425.735	73.702.518.128
<i>Dịch vụ đường biển</i>	38.410.481.522	40.449.513.387
Doanh thu chi nhánh Hà Nội	146.731.657.763	152.051.762.196
Doanh thu chi nhánh Hải Phòng	25.193.260.577	24.649.572.544
Doanh thu chi nhánh Đà Nẵng	590.822.807	-
Cộng	<u>429.056.439.318</u>	<u>388.063.328.689</u>
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan - Xem thêm mục 4.27	493.459.532	822.503.914

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.21. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn trụ sở TP. Hồ Chí Minh	241.175.264.298	197.161.076.673
<i>Dịch vụ hàng không</i>	109.769.994.708	90.207.607.261
<i>Dịch vụ logistics</i>	95.814.407.434	69.588.224.141
<i>Dịch vụ đường biển</i>	35.590.862.156	37.365.245.271
Giá vốn chi nhánh Hà Nội	145.878.144.217	151.139.278.211
Giá vốn chi nhánh Hải Phòng	25.473.632.548	24.688.084.310
Giá vốn chi nhánh Đà Nẵng	607.707.680	-
Cộng	413.134.748.743	372.988.439.194
Trong đó, giá vốn đối với các bên liên quan - Xem thêm mục 4.27	2.448.405.563	2.432.256.159

4.22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.725.609.070	658.671.289
Lãi tiền gửi	1.382.512.043	1.485.445.384
Lãi từ bán các khoản đầu tư – Xem thêm mục 4.27	620.763.956	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.351.261.162	1.252.423.101
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	496.668.599	240.913.083
Cộng	9.576.814.830	3.637.452.857

4.23. Chi phí tài chính

Là khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.24. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	3.402.066.059	3.253.925.239
Chi phí vật liệu	131.881.303	178.663.760
Chi phí đồ dùng văn phòng	42.091.000	40.339.500
Chi phí khấu hao TSCĐ	121.197.792	167.736.444
Chi phí thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.466.352.629	1.495.555.632
<i>Tiền điện</i>	431.980.792	456.602.053
<i>Cước điện thoại</i>	79.706.940	109.822.186
<i>Công tác phí</i>	109.306.328	7.636.364
<i>Khác</i>	845.358.569	921.495.029
Các khoản chi phí QLDN khác	597.888.782	520.747.777
Cộng	5.765.477.565	5.660.968.352

4.25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Là chi phí thuế TNDN tạm tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này.

4.26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	26.957.365.009	25.417.362.190
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.310.479.097	1.567.611.254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	298.500.989.250	266.678.626.653
Chi phí khác bằng tiền	92.131.392.952	84.985.807.449
Cộng	418.900.226.308	378.649.407.546

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.27. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	Công ty con
2. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Công ty liên kết
4. Công ty Cổ phần Vận chuyển Vinalink	Công ty liên kết
5. Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Công ty liên doanh
6. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	Công ty liên doanh
7. Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Công ty liên doanh
8. Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Công ty liên doanh
9. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân viên quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	7.987.977.552	1.628.244.533
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	58.245.818	-
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	29.806.913	26.655.471
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	-	3.619.000
Cộng - Xem thêm mục 4.2	8.076.030.283	1.658.519.004
	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	310.000.000	180.000.000
Cộng - Xem thêm mục 4.3	1.310.000.000	1.180.000.000
	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu ngắn hạn khác – Xem thêm mục 4.4		
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	406.009.070	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.27. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)**

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bán dịch vụ:		
Công ty TNHH Logistics Vinalink (Cambodia)	230.708.423	242.393.141
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	156.882.357	218.956.613
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	76.299.114	47.334.388
Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	23.886.638	25.107.618
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	5.683.000	288.712.154
Cộng - Xem thêm mục 4.20	<u>493.459.532</u>	<u>822.503.914</u>
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Mua dịch vụ:		
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	1.024.908.101	939.178.579
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	782.127.907	805.154.208
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	541.280.797	610.930.305
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	63.367.525	14.370.480
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	36.721.233	62.622.587
Cộng - Xem thêm mục 4.21	<u>2.448.405.563</u>	<u>2.432.256.159</u>
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Cổ tức đã chia:		
Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	52.752.000	52.752.000
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần - Xem thêm mục 4.22		
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	620.763.956	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao Hội đồng quản trị	230.000.000	334.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.450.764.398	1.166.255.942
Cổ tức đã chia	580.048.000	532.048.000
Cộng	2.260.812.398	2.032.303.942

4.28. Thu nhập của ban kiểm soát

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	50.000.000	75.000.000

4.29. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

4.30. Các thông tin thuyết minh khác

Ngày 14 tháng 11 năm 2014, Công ty có ký kết Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.12 và Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 về việc đền bù di dời phục vụ dự án tại số 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội. Theo đó, Công ty sẽ góp vốn bằng toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại văn phòng Công ty (gồm toàn bộ hệ thống kho với tổng diện tích sàn kho 9.397,08 m², văn phòng làm việc, nhà bếp, nhà ăn, toàn bộ sân xi măng bên trong khuôn viên và các hạng mục phụ trợ như hệ thống chiếu sáng, hệ thống PCCC, hệ thống cấp thoát nước, tường rào, trạm điện hiện diện trên khu đất) để Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội quản lý, khai thác. Công ty sẽ bàn giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội toàn bộ tài sản trên khu đất và từ chối mọi quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến tài sản trên khu đất bao gồm cả quyền quản lý, khai thác khu đất khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội được làm chủ đầu tư dự án. Việc di dời các hoạt động hiện tại của Công ty đi nơi khác sẽ được thực hiện chậm nhất 24 tháng sau ngày ký kết các hợp đồng này.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, Công ty vẫn chưa di dời hoạt động sang nơi khác theo thỏa thuận ban đầu do chưa nhận được thông báo từ Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội về thời gian triển khai dự án.



Nguyễn Nam Tiến
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2018

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập